TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **22**/2018/QĐST-DS	*Long Biên, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **65**/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 442 N, phường 05, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Địa chỉ: Số 10 P, quận H1, TP. Hà Nội.

(Theo Văn bản ủy quyền số 838/UQ-QLN.18 ngày 08.8.2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A và Văn bản ủy quyền số 984/UQ-CNTL.18 ngày 28.8.2018).

-Đồng bị đơn: Ông Phạm Văn L – Sinh năm: 1973 và bà Bùi Thị T – Sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Phòng 605 CT17 Khu đô thị V, phường V, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP A và ông Phạm Văn L, bà Bùi Thị T thống nhất xác định: Tính đến ngày 11/10/2018, ông L và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số NGH.CN.194.100117 ngày 17 tháng 01 năm 2017, Hợp đồng cấp tín dụng số NGH.CN.375.130117 ngày 17 tháng 01 năm 2017, Hợp đồng cấp tín dụng số NGH.CN.163.100117 ngày 17/01/2017 và các thẻ tín dụng số 9704.1631.0001.1796 ngày 16/02/2017, thẻ tín dụng số 4791.3925.5012.8272 ngày 16/02/2017, thẻ tín dụng số 4791.3825.3017.3167 tổng cộng là **2.018.178.575 đồng** (Hai tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi năm đồng). Trong đó: Nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng và các thẻ tín dụng trên là 1.761.181.770 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm tám mươi mốt nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 56.744.999 đồng (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) và nợ lãi quá hạn là 200.251.806 đồng (Hai trăm triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm linh sáu đồng). Cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số NGH.CN.194.100117 ngày 17 tháng 01 năm 2017, ông L và bà T còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 531.642.476 đồng (Năm trăm ba mươi mốt triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 467.740.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 13.957.873 đồng (Mười ba triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng) và nợ lãi quá hạn là 49.944.603 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm bốn mười bốn nghìn, sáu trăm linh ba đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số NGH.CN.375.130117 ngày 17 tháng 01 năm 2017, ông L và bà T còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 638.000.915 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười lăm đồng), trong đó nợ gốc là 561.290.000 đồng (Năm trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 16.749.507 đồng (Mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh bảy đồng) và nợ lãi quá hạn là 59.961.408 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm linh tám đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số NGH.CN.163.100117 ngày 17/01/2017, ông L và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP Á Châu tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 745.178.388 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 649.849.000 đồng

(Sáu trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 26.037.619 đồng và nợ lãi quá hạn là 69.291.769 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng).

- Đối với thẻ tín dụng số 4791.3925.5012.8272 ngày 16/02/2017, ông L và bà T còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 38.966.127 đồng (Ba mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 30.271.556 đồng (Ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 8.694.571 đồng (Tám triệu, sáu trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm bảy mươi mốt đồng).

- Đối với thẻ tín dụng số 9704.1631.0001.1796 ngày 16/02/2017, ông L và bà T còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 63.368.317 đồng (Sáu mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 52.031.214 đồng (Năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm mười bốn đồng) và nợ lãi quá hạn là 11.337.103 đồng (Mười một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm linh ba đồng).

- Đối với thẻ tín dụng số 4791.3825.3017.3167, ông L bà T còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 11/10/2018 là 1.022.352 đồng (Một triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 0 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.022.352 đồng (Một triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng).

2.2. Về thời hạn thanh toán*:* Ông Phạm Văn L, bà Bùi Thị T và Ngân hàng TMCP A thống nhất thỏa thuận: Thời hạn thanh toán khoản nợ **2.018.178.575 đồng** (Hai tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi năm đồng) nêu trên là trong vòng 06 (Sáu) tháng. kể từ ngày 11/10/2018 cho đến ngày 11/4/2019. Phân kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 11/11/2018, ông L và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc;

- Ngày 11/12/2018, ông L và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc;

- Ngày 11/01/2019, ông L và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc;

- Ngày 11/02/2019, ông L và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc;

- Ngày 11/3/2019, ông L và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào nợ gốc;

- Ngày 11/4/2019, ông L và bà T cam kết thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn còn lại.

2.3. Kể từ ngày 12/10/2018, ông L và bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi

trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, các thẻ tín dụng nêu trên và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP A theo từng thời kỳ, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán.

2.4. Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, trường hợp ông L và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán đủ khoản nợ như đã cam kết ở trên với Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 29(2), tờ bản đồ số 07 tại địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện Đ, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BR503869 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Phạm Văn L ngày 31/3/2014 theo Hợp đồng thế chấp số NGH.BĐCN.91.100117 ngày 13/01/2017 được công chứng tại Văn phòng công chứng T1, số công chứng 000153.2017/HĐTC; vào quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD; đăng kí giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng kí đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Đ ngày 16/01/2017 để thu hồi toàn bộ khoản nợ trên.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả Ngân hàng TMCP A 33.525.000 đồng (Ba mươi ba triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0722 ngày 04/9/2018.

Ông Phạm Văn L và bà Bùi Thị T tự nguyện chịu 36.181.786 đồng (Ba mươi sáu triệu, một trăm tám mươi mốt nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THU HẰNG